

Số: 21/2022/QĐST - HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149 các Điều 212, 213 và Điều 361; Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

+ Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1988.

HKTT: Số 13C, Nguyễn Du, phường Quang Tr, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: xóm Bắc, Lê Hồng Ph, phường Minh Kh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh **Trần Mạnh Tr**, sinh năm: 1981.

HKTT: Số 13C, Nguyễn Du, phường Quang Tr, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: Thôn Cốc Ng, xã Phạm Ngũ L, Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Cháu Trần Hương Gi, sinh ngày 07/3/2009 và cháu Trần Hải Ph, sinh ngày 08/6/2012. Địa chỉ: Thôn Cốc Ng, Ngũ L, Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho các cháu Gi và cháu Ph là anh Trần Mạnh Tr và chị Nguyễn Thị B là bố, mẹ đẻ các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị B và anh Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Phạm Ngũ L, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai anh chị thuê nhà ở. Vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó khi sinh cháu thứ hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người tính cách khác nhau, mặt khác thời điểm đó anh chị mua đất làm nhà vẫn còn nợ tiền mọi người. Cùng với việc làm ăn

kinh tế của anh chị không có kết quả dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Đỉnh điểm vào năm 2016 vợ chồng chính thức ly thân. Chị B vào Miền Nam làm ăn, còn anh Tr ở nhà chăm hai con. Trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập. Đến nay anh chị cùng xác định vợ chồng ly thân nhau đã lâu, không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của chị B và anh Tr là chính đáng, có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị B và anh Tr.

[2] Về con chung: Chị B và anh Tr thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Hương Gi, sinh ngày 07/3/2009 và cháu Trần Hải Ph, sinh ngày 08/6/2012. Khi vợ chồng ly hôn anh, chị thỏa thuận, anh Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung là cháu Trần Hương Gi, sinh ngày 07/3/2009 và cháu Trần Hải Ph, sinh ngày 08/6/2012. Địa chỉ: Thôn Cốc Ng, xã Phạm Ngũ L, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Cho đến khi cháu Gi và cháu Ph đủ 18 tuổi. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh Tr. Chị B được quyền đi lại và thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Xét đây là sự tự nguyện của chị B và anh Tr nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh Tr đều khẳng định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị B và anh Tr thỏa thuận chị B nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Mạnh Tr.

1.2 Về con chung: Giao hai cháu Trần Hương Gi, sinh ngày 07/3/2009 và cháu Trần Hải Ph, sinh ngày 08/6/2012 cho anh Trần Mạnh Tr trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con

chung với anh Tr. Chị B được quyền đi lại và thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung, chị B, anh Tr có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001268 ngày 03/10/2022 là 300.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chị B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Hưng Yên;
- Chi cục THADS Tp. Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phạm Ngũ Lão (Đăng ký số 60/2008 ngày 10/11/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Đăng Khuê